

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết nội dung, thể thức, thời điểm báo cáo
về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo**

Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về nội dung, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết nội dung, thể thức, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo¹.

¹ Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo có căn cứ như sau:

“Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết nội dung, thể thức, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2. Thông tư này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là bộ, ngành) và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 2. Các loại báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

1. Báo cáo của bộ, ngành về tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

2. Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo trong phạm vi quản lý.

3. Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường² về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo trình Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo.”

² Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Yêu cầu của báo cáo

1. Báo cáo phải được lập phù hợp với yêu cầu, nội dung, thể thức, thời điểm quy định tại Thông tư này.
2. Thông tin báo cáo phải đầy đủ, chính xác, khách quan và trung thực.
3. Số liệu báo cáo phải là số liệu mới nhất tại thời điểm báo cáo.
4. Nội dung báo cáo phải phản ánh được thực trạng của công tác quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, kết quả triển khai thực hiện, những khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục.

Chương II

NỘI DUNG, THỂ THỨC, THỜI ĐIỂM BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

Điều 4. Nội dung báo cáo của bộ, ngành

Nội dung báo cáo của bộ, ngành bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tổng quan tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.
2. Kết quả triển khai thực hiện trong kỳ báo cáo:
 - a) Công tác xây dựng, ban hành, thực thi, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo;
 - b) Thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo;
 - c) Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển;
 - d) Thực hiện quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ;
 - đ) Quản lý, thực hiện hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
 - e) Quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo;
 - g) Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo;
 - h) Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển;
 - i) Công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo; quan trắc, giám sát tổng

hợp và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

k) Hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

l) Công tác tuyên truyền về biển và hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo;

m) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

3. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục.

Điều 5. Nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm các nội dung quy định tại Điều 4 của Thông tư này và các nội dung sau đây:

1. Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ.
2. Công tác thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.
3. Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo.
4. Giao, sử dụng khu vực biển.
5. Quản lý hoạt động nhận chìm ở biển.

Điều 6. Nội dung báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Nội dung báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường³ bao gồm tổng hợp các nội dung quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

Điều 7. Thời điểm báo cáo

1. Báo cáo của các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo định kỳ một (01) năm một (01) lần. Kỳ báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

Báo cáo gửi về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam,⁴ Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁵ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁴ Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 01 hằng năm.

Điều 8. Thể thức báo cáo

1. Mẫu báo cáo:

a) Báo cáo của bộ, ngành và Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁶ trình Chính phủ được lập theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hình thức báo cáo:

a) Báo cáo phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ quan báo cáo, đóng dấu phát hành theo quy định và tệp dữ liệu điện tử (file) gửi kèm;

b) Các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo Báo cáo phải được đóng dấu giáp lai.

3. Phương thức gửi báo cáo:

Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi bằng đường bưu điện;

b) Gửi trực tiếp;

c) Gửi qua fax;

d) Gửi qua hộp thư điện tử dưới dạng file ảnh (định dạng PDF) hoặc file dữ liệu điện tử có chữ ký số.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN⁷

⁵ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁶ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁷ Điều 38 và Điều 39 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường⁸ có trách nhiệm lập và thực hiện chế độ báo cáo về tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trong phạm vi được giao quản lý như đối với báo cáo của bộ, ngành gửi về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam⁹ để tổng hợp.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam¹⁰ là đơn vị đầu mối tổng hợp báo cáo của bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹¹.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường¹² các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển là đơn vị đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập báo cáo.

định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 38. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”

⁸ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

⁹ Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹⁰ Cụm từ “Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam” được thay thế bởi cụm từ “Cục Biển và Hải đảo Việt Nam” theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹¹ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

¹² Cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 10. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.
2. Thông tư số 28/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về nội dung, chế độ báo cáo tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.
3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường¹³ để nghiên cứu, xem xét, giải quyết./.

t

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 65 /VBHN-BNNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Sở NN&MT tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (để đăng tải);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ NN&MT;
- Công thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, PC, BHD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Minh Ngân

¹³ Cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực biển và hải đảo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Phụ lục

**MẪU CÁC VĂN BẢN BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP
TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT
ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Mẫu số	Tên mẫu
<i>Mẫu số 01</i>	Báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo (<i>Áp dụng đối với báo cáo của bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>)
<i>Mẫu số 02</i>	Báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo (<i>Áp dụng đối với báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ</i>)
<i>Mẫu số 03</i>	Tình hình quản lý, thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo
<i>Mẫu số 04</i>	Tình hình quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo
<i>Mẫu số 05</i>	Tình hình thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ
<i>Mẫu số 06</i>	Tình hình lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo

(CƠ QUAN BÁO CÁO) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /...

Địa danh, ngày tháng ... năm

BÁO CÁO

Tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo năm

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

I. Tổng quan tình hình

Nêu tổng quan tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý (đối với báo cáo của bộ, ngành) hoặc tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo ở vùng đất ven biển, hải đảo, vùng biển trong phạm vi quản lý (đối với báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

II. Kết quả triển khai thực hiện¹⁴

1. Công tác xây dựng, ban hành, thực thi, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo: nêu rõ tên, số lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong năm và tình hình triển khai thi hành các văn bản đó, những mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật khác (nếu có).

2. Thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo: nêu rõ tình hình thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chiến lược; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển: nêu rõ tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4. Thực hiện quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ: nêu rõ tình hình thực hiện các giải pháp, chương trình thực hiện quy hoạch; việc sửa đổi, bổ sung quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên, quy

¹⁴ Báo cáo của bộ, ngành gồm các nội dung từ (1) đến (12); báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm tất cả các nội dung từ (1) đến (17).

hoạch phát triển ngành, địa phương có nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên trong phạm vi vùng bờ để phù hợp với nội dung của quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được phê duyệt.

5. Quản lý, thực hiện hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: nội dung chi tiết được lập theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo: nội dung chi tiết được lập theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo: phạm vi bao gồm vùng đất ven biển, biển và hải đảo. Nội dung chi tiết báo cáo công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển: nêu rõ về số lượng các kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển thuộc thẩm quyền đã được phê duyệt; trang thiết bị, nguồn lực chuẩn bị ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển; số lượng các buổi tập huấn, diễn tập đã tổ chức; tình hình xử lý, khắc phục môi trường do sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển gây ra.

9. Công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo; quan trắc, giám sát tổng hợp và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo: nêu rõ việc thực hiện và kết quả thống kê các loại tài nguyên biển và hải đảo; tình hình xây dựng và quản lý hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

10. Hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo: nêu cụ thể tên, số lượng các chương trình, dự án và các hoạt động có vốn tài trợ nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; các điều ước và thoả thuận quốc tế đã tham gia ký kết và kết quả triển khai thực hiện.

11. Công tác tuyên truyền về biển và hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo: nêu cụ thể hình thức, nội dung, đối tượng tuyên truyền về biển và hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; tình hình tổ chức hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam.

12. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo: nêu rõ đối tượng thanh tra, kiểm tra, số lượng các hành vi vi phạm, hình thức xử lý; việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra.

13. Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ: nội dung chi tiết được lập theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

14. Công tác thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển: nêu rõ tình hình thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển tại địa phương; khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

15. Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo: nội dung chi tiết được lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

16. Giao, sử dụng khu vực biển: nêu rõ tình hình quản lý hoạt động giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; số lượng các quyết định giao, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại, thu hồi khu vực biển; tình hình sử dụng khu vực biển của các tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

17. Quản lý hoạt động nhận chìm ở biển: nêu rõ tình hình quản lý hoạt động nhận chìm ở biển thuộc phạm vi quản lý; số lượng các giấy phép đã cấp tính đến thời điểm báo cáo; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

III. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị

1. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

1.1. Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo qua thực tiễn quản lý; những mâu thuẫn, xung đột trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo giữa các ngành, lĩnh vực trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo và ảnh hưởng của những mâu thuẫn, xung đột đến các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; những khó khăn, vướng mắc khác.

1.2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý hoặc của ngành, lĩnh vực khác về quản lý hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2.2. Đề xuất các cơ chế phối hợp cụ thể để quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2.3. Đề xuất hình thức, phương thức thu hút các nguồn lực phục vụ cho công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2.4. Các nội dung đề xuất, kiến nghị khác./.

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO

(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /...

Hà Nội, ngày tháng ... năm

BÁO CÁO

**Về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường
biển và hải đảo năm**

Kính gửi: Chính phủ

I. Tổng quan tình hình

Nêu tổng quan tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

II. Kết quả triển khai thực hiện

1. Công tác xây dựng, ban hành, thực thi, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

2. Thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

3. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển.

4. Thực hiện quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

5. Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ.

6. Quản lý, thực hiện hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7. Quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo.

8. Giao, sử dụng khu vực biển.

9. Công tác thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.

10. Công tác lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo.

11. Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

12. Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển.

13. Quản lý hoạt động nhận chìm ở biển.

14. Công tác thống kê tài nguyên biển và hải đảo; quan trắc, giám sát tổng hợp và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

15. Hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

16. Công tác tuyên truyền về biển và hải đảo; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

17. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

III. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị

1. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

2. Đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

-;

-.....;

- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...***TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN,
NHIỆM VỤ ĐIỀU TRA CƠ BẢN, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ TÀI NGUYÊN,
MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

I ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
TT	Đối tượng điều tra ^[1]	Nội dung điều tra	Địa bàn điều tra ^[2]	Kinh phí thực hiện trong năm báo cáo	Kết quả thực hiện trong năm báo cáo
1					
2					
....					
II NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
TT	Đối tượng nghiên cứu ^[1]	Nội dung nghiên cứu	Địa bàn nghiên cứu ^[2]	Kinh phí thực hiện trong năm báo cáo	Kết quả thực hiện trong năm báo cáo
1					
2					
...					

[1] Đối tượng điều tra, nghiên cứu khoa học gồm các lĩnh vực: đất đai trên vùng đất ven biển và hải đảo; nước mặt và nước ngầm trên vùng đất ven biển và hải đảo; địa chất khoáng sản biển; đo đạc bản đồ biển; đa dạng sinh học biển; môi trường biển; khí tượng thủy văn biển; công trình biển và ven biển; hàng hải; du lịch biển và hải đảo...

[2] Địa bàn điều tra, nghiên cứu khoa học: nêu rõ tọa độ, địa danh khu vực, diện tích khu vực điều tra, nghiên cứu khoa học.

CƠ QUAN BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...***TÌNH HÌNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG
TÀI NGUYÊN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

TT	Loại tài nguyên khai thác, sử dụng	Địa bàn triển khai	Sản lượng khai thác, sử dụng	Chỉ tiêu hoàn thành so với kế hoạch (%)	Tổng giá trị đạt được từ khai thác, sử dụng (triệu đồng)
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1					
2					
...					

[1] Loại tài nguyên khai thác, sử dụng từ biển và hải đảo trong năm báo cáo:

+ Khai thác tài nguyên biển và hải đảo: các loại thủy hải sản (nuôi trồng, đánh bắt); các loại khoáng sản biển, dầu khí, muối,...;

+ Sử dụng biển: trồng rừng ven biển, số lượng khách du lịch biển, các công trình hạ tầng trên biển, tổng lượng hàng hóa vận chuyển trên biển, các hoạt động của khu bảo tồn biển,...

[2] Địa bàn được cấp phép khai thác, sử dụng được ghi trong giấy phép đối với khai thác tài nguyên biển (khu vực, tọa độ); luồng lạch, tuyến, tên cảng biển; khu vực (tọa độ) của các công trình biển, khu bảo tồn biển.

[3] Sản lượng tài nguyên được khai thác trong năm, đơn vị tính là tấn; sử dụng tài nguyên biển trong năm, đơn vị tính là: khách (du lịch biển), tấn hàng hóa (vận tải biển), ha (diện tích rừng ven biển trồng mới), các hoạt động bảo tồn biển....

[4] So sánh với kế hoạch hoạt động của ngành trong năm báo cáo (%).

[5] Giá trị tài nguyên khai thác, sử dụng trong năm quy đổi ra triệu đồng. Đối với hoạt động bảo tồn: ghi chi phí đầu tư/ giá trị mang lại của hoạt động.

CƠ QUAN BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...***TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÙNG BỜ**

I. Thông tin chung về chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ trong phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển (QLTHVB)

1.1. Tên:***1.2. Mục tiêu:***

- Mục tiêu tổng quát:
- Mục tiêu cụ thể:

1.3. Phạm vi:

- Phạm vi không gian (diện tích, tọa độ khu vực thực hiện chương trình QLTHVB);
- Phạm vi thời gian (thời gian bắt đầu thực hiện và kết thúc).

1.4. Tóm tắt nội dung chính của chương trình QLTHVB:

Các vấn đề cần giải quyết, thứ tự ưu tiên giải quyết; các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chương trình; các giải pháp, các nhiệm vụ/hoạt động và tiến độ thực hiện; kế hoạch thực hiện chương trình (nếu có).

1.5. Nguồn lực:

- Tổng kinh phí: triệu đồng, trong đó:
 - + Kinh phí từ ngân sách nhà nước: ... triệu đồng;
 - + Kinh phí từ các nguồn khác: ... triệu đồng;
- Cơ quan được giao chủ trì thực hiện:
- Cơ quan điều phối liên ngành: (thành phần cụ thể nếu có)
- Cơ quan/tổ chức thực hiện/phối hợp:

II. Kết quả thực hiện***2.1. Kết quả thực hiện mục tiêu của chương trình QLTHVB:***

Đánh giá cụ thể kết quả thực hiện so với mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của chương trình.

2.2. Kết quả thực hiện các nội dung chính của chương trình QLTHVB:

Mô tả tiến độ và kết quả thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ/ hoạt động để giải quyết các vấn đề; đánh giá kết quả đạt được so với các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện chương trình đã được phê duyệt.

2.3. Các kết quả khác

2.3.1. Cơ chế điều phối liên ngành

Mô tả tóm tắt các hoạt động thực tế của Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình hoặc của Cơ quan điều phối chương trình (nếu có) trong việc tổ chức thực hiện chương trình; cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, số lượng cán bộ, kinh phí hoạt động của Cơ quan điều phối chương trình (nếu có).

2.3.2. Kế hoạch thực hiện chương trình (nếu có)

Mô tả tóm tắt mục tiêu, phạm vi và nội dung của kế hoạch thực hiện chương trình.

2.3.3. Các quy định pháp luật hỗ trợ thực hiện chương trình

Liệt kê và mô tả tên các văn bản, quy định hướng dẫn thực hiện chương trình do địa phương ban hành.

2.3.4. Sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan được xác định và tham gia vào quá trình lập, thực hiện và giám sát, đánh giá chương trình;
- Các phương thức bảo đảm sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan vào quá trình lập và thực hiện chương trình.

2.3.5. Giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về chương trình

- Mô tả tóm tắt mục tiêu, đối tượng và nội dung các nhiệm vụ/ hoạt động giáo dục, đào tạo, tăng cường năng lực và truyền thông nâng cao nhận thức cho các nhóm đối tượng và các bên liên quan về các vấn đề cần giải quyết trong chương trình;

- Nêu tình hình và đánh giá kết quả đạt được của các nhiệm vụ/ hoạt động giáo dục, đào tạo, tăng cường năng lực và truyền thông nâng cao nhận thức cho các nhóm đối tượng và các bên liên quan trong việc thực hiện chương trình.

2.3.6. Khoa học và công nghệ

- Mô tả tóm tắt mục tiêu, nội dung của các nghiên cứu khoa học và công nghệ; khả năng ứng dụng của các nghiên cứu khoa học và công nghệ có mục tiêu phục vụ và hỗ trợ thực hiện chương trình;

- Mô tả về vai trò và kết quả hoạt động của các tổ chức/ hội đồng tư vấn khoa học trong việc lập và tổ chức thực hiện chương trình.

III. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị

Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình lập và tổ chức thực hiện chương trình QLTHVB; đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục./.

CƠ QUAN BÁO CÁO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...***TÌNH HÌNH LẬP VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ TÀI NGUYÊN HẢI ĐẢO****Năm.....****I. Tình hình chung**

Tổng quan về các hải đảo trên địa bàn, số lượng của các hải đảo (bao gồm quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm), số hải đảo đã được lập hồ sơ, số hải đảo đang được lập hồ sơ và số hải đảo chưa được lập hồ sơ.

II. Tình hình lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo***1. Đối với các hải đảo đã lập hồ sơ***

- Tên các hải đảo đã lập hồ sơ;
- Tình hình biến động tài nguyên, môi trường hải đảo ghi nhận được trong kỳ báo cáo (chi tiết cho từng hải đảo).

2. Đối với các hải đảo đang lập hồ sơ

Nêu rõ các thông tin sau đối với từng hải đảo:

- Tên hải đảo;
- Cơ sở pháp lý thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ;
- Các hoạt động thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ;
- Cơ quan thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ;
- Khái toán kinh phí và nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành và giao nộp hồ sơ.

3. Đối với các hải đảo đã đến kỳ cập nhật hồ sơ

- Tên hải đảo;
- Căn cứ pháp lý (nếu đã được phê duyệt nhiệm vụ cập nhật);
- Sự cần thiết phải cập nhật (nếu chưa được phê duyệt nhiệm vụ cập nhật);
- Các nội dung cần cập nhật;
- Thời gian cập nhật;
- Kinh phí thực hiện.

III. Kế hoạch thực hiện việc lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo năm sau

1. Đối với các hải đảo đã lập hồ sơ

- Theo dõi biến động;
- Kế hoạch cập nhật.

2. Đối với các hải đảo đang lập hồ sơ

Báo cáo theo kế hoạch năm của nhiệm vụ lập hồ sơ.

3. Đối với các hải đảo chưa lập hồ sơ

- Nhiệm vụ lập mới hồ sơ;
- Nội dung chủ yếu của nhiệm vụ;
- Dự kiến thời gian, kinh phí thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ.

IV. Khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị

Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo và đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục./.